

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN BÌNH THỦY  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2024/DS-ST

Ngày: 29 – 8 – 2024

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THỦY, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Hồng Loan.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Việt Thành.

2. Ông Phạm Ngọc Hà.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Châu – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Thủy tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 350/2023/TLST-DS ngày 11/12/2023 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 486/2024/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 175/2024/QĐST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP S1** (Sau đây viết tắt là **Ngân hàng S2**). Trụ sở: **Số B, N, phường V, quận C, thành phố Hồ Chí Minh**. Đại diện pháp luật: ông **Nguyễn Đức Thạch D** – Tổng giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Bà **Lê Nguyễn Như T** – Trưởng phòng giao dịch **quận C Ngân hàng S1, chi nhánh C**. Bà **T** ủy quyền cho: ông **Nguyễn Lê Trường S** hoặc bà **Trần Thị M**. **Địa chỉ: 95-97-99, đường V, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ** (Theo giấy ủy quyền ngày 16/7/2024).

\* Bị đơn: Chị **Hứa Ngân X**, sinh năm 2002. Địa chỉ: **4, khu vực Bình Phó B, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ**.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Trong đơn khởi kiện đề ngày 12/9/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án có đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng TMCP S1 - Chi Nhánh C có cho bà Hứa Ngân X vay vốn theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 1759830 ngày 24/6/2021 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của chị Hứa Ngân X, Ngân hàng S2 đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng chị Hứa Ngân X đã thực hiện giao dịch tổng số tiền là 19.950.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt đến nay chị Hứa Ngân X thanh toán được 9.170.000 đồng. Dư nợ hiện nay: 39.489.583 đồng, Lãi suất: 33,2%/năm. Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng chị Hứa Ngân X vẫn không có thiện chí trả nợ. Do chị Hứa Ngân X vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 29/10/2022 Ngân hàng S2 đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Tính đến ngày 22/07/2024, chị Hứa Ngân X còn nợ các khoản sau: gốc 21.547.111, lãi quá hạn 17.942.472. Tổng cộng 39.489.583 (Bằng chữ: Ba mươi chín triệu bốn trăm tám mươi chín nghìn năm trăm tám mươi ba đồng).

Mặc dù Ngân hàng S2 đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với chị Hứa Ngân X, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng S2 cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để khách hàng trả nợ, tuy nhiên chị Hứa Ngân X vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng S2, vi phạm các điều khoản đã quy định tại các Hợp đồng đã ký với Ngân hàng S2. Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng S2, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, Ngân hàng TMCP S1 kính đề nghị Quý Tòa giải quyết những vấn đề nêu trên đối với bị đơn. Với sự tin tưởng vào tính nghiêm minh và công bằng của pháp luật, kính đề nghị Quý Tòa thụ lý vụ án, xem xét và phán quyết.

1. Kính đề nghị Tòa án tuyên buộc chị Hứa Ngân X trả ngay cho Ngân hàng TMCP S1 với tổng số tiền tạm tính đến ngày 22/07/2024 là 39.489.583 đồng (Bằng chữ: Ba mươi chín triệu bốn trăm tám mươi chín nghìn năm trăm tám mươi ba đồng). Trong đó: Vốn gốc: 21.547.111 đồng, L quá hạn: 17.942.472 đồng; Và lãi phát sinh cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng.

2. Và chị Hứa Ngân X có trách nhiệm thanh toán lãi phát sinh sau ngày 22/07/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ kèm hợp đồng. Kính đề nghị Quý Tòa xem xét, tạo điều kiện để Ngân hàng S2 thu hồi nợ theo đúng quy định của pháp luật

\* Suốt quá trình giải quyết vụ án cho đến khi xét xử chị **X** vắng mặt không lý do.

*Tại phiên tòa hôm nay,*

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu tính đến ngày 28/8/2024 yêu cầu bị đơn trả nợ cho **Ngân hàng S2** tổng số tiền 40.499.879 đồng, trong đó vốn: 21.547.111 đồng, lãi quá hạn: 18.952.768 đồng. Kể từ ngày 29/8/2024 chị **Hứa Ngân X** còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 1759830 ngày 24/6/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà chị **Hứa Ngân X** phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- Bị đơn: vắng mặt không lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thủy phát biểu ý kiến:

+ Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã tiến hành hòa giải, công khai chứng cứ, tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Về thời hạn chuẩn bị xét xử: vi phạm quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự; Thời gian gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định tại Điều 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về giải quyết vụ án: Căn cứ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 1759830 ngày 24/6/2021, tính đến ngày 28/8/2024 yêu cầu bị đơn trả nợ cho **Ngân hàng S2** tổng số tiền 40.499.879 đồng, trong đó vốn: 21.547.111 đồng, lãi quá hạn: 18.952.768 đồng. Kể từ ngày 29/8/2024 chị **Hứa Ngân X** còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 1759830 ngày 24/6/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý:* căn cứ vào đơn khởi kiện đề ngày 12/9/2023, thể hiện **Ngân hàng S2** có ký Hợp đồng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 1759830 ngày 24/6/2021 với chị **Hứa Ngân X**. **Ngân hàng S2** đã

đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng chị **Hứa Ngân X** đã thực hiện giao dịch tổng số tiền là 19.950.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt đến nay chị **Hứa Ngân X** thanh toán được 10.170.000 đồng. Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng chị **Hứa Ngân X** vẫn không có thiện chí trả nợ. Tính đến ngày 28/8/2024 yêu cầu bị đơn trả nợ cho **Ngân hàng S2** tổng số tiền 40.499.879 đồng, trong đó vốn: 21.547.111 đồng, lãi quá hạn: 18.952.768 đồng. Bị đơn có địa chỉ tại **quận B, thành phố Cần Thơ** nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Chị **Hứa Ngân X** đã được tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng đều vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án này thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không lý do. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị **Hứa Ngân X** là phù hợp quy định của pháp luật.

[3] *Về thủ tục và xác định tư cách đương sự trong vụ án:* căn cứ theo Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định **Ngân hàng TMCP S1** là nguyên đơn. Chị **Hứa Ngân X** là bị đơn.

[4] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Căn cứ vào đơn khởi kiện đề ngày 12/9/2023, thể hiện **Ngân hàng S2** có ký Hợp đồng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 1759830 ngày 24/6/2021 với chị **Hứa Ngân X**. **Ngân hàng S2** đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng chị **Hứa Ngân X** đã thực hiện giao dịch tổng số tiền là 19.950.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt đến nay chị **Hứa Ngân X** thanh toán được 10.170.000 đồng. Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng chị **Hứa Ngân X** vẫn không có thiện chí trả nợ. Tính đến ngày 28/8/2024 yêu cầu bị đơn trả nợ cho **Ngân hàng S2** tổng số tiền 40.499.879 đồng, trong đó vốn: 21.547.111 đồng, lãi quá hạn: 18.952.768 đồng.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập chị **Hứa Ngân X** để tự khai, tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa nhưng chị **X** không đến Tòa và không cử đại diện hợp pháp đến Tòa án theo giấy triệu tập mà không có lý do chính đáng. Đồng thời, bị đơn chị **Hứa Ngân X** cũng không có bất kỳ văn bản nào phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cũng như cung cấp các tài liệu chứng cứ để chứng minh cho quyền lợi của mình. Điều này xem như bị đơn chị **Hứa Ngân X** đã từ bỏ quyền và không thực hiện

nghĩa vụ tham gia tố tụng tại Tòa án để bảo vệ quyền lợi của mình được pháp luật bảo vệ theo điều 6 và điều 24 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào những chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các chứng khác có trong hồ sơ để xem xét giải quyết vụ án.

Căn cứ lời khai của đương sự, các tài liệu chứng cứ đã được thu thập được. Hội đồng xét xử thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[5] Từ những phân tích nêu trên và xét quan điểm về việc giải quyết vụ án của Viện kiểm sát là thống nhất với quan điểm của Hội đồng xét xử và phù hợp theo quy định của pháp luật nên ghi nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 90, Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP S1**. Buộc chị **Hứa Ngân X** phải có trách nhiệm thanh toán nợ cho **Ngân hàng TMCP S1** theo hợp đồng đã ký theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 1759830 ngày 24/6/2021.

Tổng cộng tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 28/8/2024 yêu cầu bị đơn trả nợ cho **Ngân hàng TMCP S1** tổng số tiền 40.499.879 đồng (Bốn mươi triệu, bốn trăm chín mươi chín ngàn, tám trăm bảy mươi chín đồng), trong đó vốn: 21.547.111 đồng (Hai mươi một triệu, năm trăm bốn mươi bảy ngàn, một trăm mười một đồng), lãi quá hạn: 18.952.768 đồng (Mười tám triệu, chín trăm năm mươi hai ngàn, bảy trăm sáu mươi tám đồng).

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/8/2024) chị **Hứa Ngân X** còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 1759830 ngày 24/6/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này.

3. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà chị **Hứa Ngân X** phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

4. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm chị **Hứa Ngân X** phải chịu là 2.024.994 đồng (Hai triệu, không trăm hai mươi bốn ngàn, chín trăm chín mươi bốn đồng), nộp tại Cơ quan thi hành án dân sự **quận B, thành phố Cần Thơ. Ngân hàng TMCP S1** không phải chịu án phí, được nhận lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí 754.199 đồng (Bảy trăm năm mươi bốn ngàn, một trăm chín mươi chín đồng) theo biên lai thu số 0002364 ngày 30/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

5. Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.Cần Thơ;
- Viện kiểm sát ND Q. Bình Thủy;
- Chi cục THADS Q. Bình Thủy;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Lê Hồng Loan**